

Số: 28/2020/QĐST-DS

Ứng Hoà, ngày 14 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 24/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ngân hàng N (viết tắt là: A).

Trụ sở: Số 2, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T- Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T1, ông Đặng Tiến T2 và ông Lã Anh T3 (Theo giấy ủy quyền số 2965/QĐ-NHNN-PC của Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng N ngày 27/12/2019 và Giấy ủy quyền ngày 02/5/2020 của Ngân hàng N chi nhánh huyện U).

1.2. Bị đơn đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Tiến T4 – sinh năm 1974

Nơi ĐKKHKT: thôn Đình Xuyên, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

1.3. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1.3.1. Ông Lê Tiến T5 – sinh năm 1956

1.3.2. Ông Lê Tiến M – sinh năm 1959

1.3.3. Bà Lê Thị N – sinh năm 1965

1.3.4. Ông Lê V – sinh năm 1968

1.3.5. Bà Lê Thị T6 – sinh năm 1972

1.3.6. Anh Lê Tiến T7 – sinh năm 1979

1.3.7. Chị Lê Thị T8 – sinh năm 1981

1.3.8. Anh Lê Tiến T0 – sinh năm 1985

1.3.9. Chị Nguyễn Thị L – sinh năm 1975

1.3.10. Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 198

1.3.11. Chị Kiều Thị 1 – sinh năm 1989

Đều có HKTT: Thôn Đ, xã H, huyện U, thành phố Hà Nội
(Anh T4,, ông T5, ông M, bà N, ông V, bà T6 chị T7, anh T8, chị L, chị H, chị L1 đều có giấy ủy quyền cho anh T7 tham gia tố tụng tại Tòa án).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về xác nhận nợ:

Vợ chồng anh Lê Tiến T4, chị Nguyễn Thị L xác nhận : Ngày 29/11/2016, anh T4 có ký kết Hợp đồng tín dụng số: 03248/2016 với A - Chi nhánh huyện U - Phòng giao dịch H vay số tiền 500.000.000 đồng; Mục đích vay: mua vật liệu xây dựng. Theo đó, anh T4 đã được A giải ngân theo 02 Giấy nhận nợ ngày 13/02/2017 và ngày 21/6/2017 tổng số tiền là 500.000.000 đồng. Ngoài ra trong Hợp đồng tín dụng và các Giấy nhận nợ đều có các thỏa thuận khác như lãi suất, thay đổi lãi suất, thời hạn vay, tài sản bảo đảm.... và các thỏa thuận khác.

Anh T4, chị L xác nhận hiện còn nợ A số tiền tính đến ngày 04/9/2020 cụ thể như sau:

Nợ gốc là : 500.000.000 đồng,

Nợ lãi trong hạn : 180.716.666 đồng;

Nợ lãi quá hạn : 47.118.750 đồng.

Tổng cộng : 727.835.416 đồng (Bảy trăm hai mươi bảy triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm mười sáu đồng).

2.2 Các bên thỏa thuận về thời hạn, ph-ong thức thanh toán nh- sau:

A và anh Lê Tiến T4, chị Nguyễn Thị L thỏa thuận thống nhất: anh T4, chị L phải có trách nhiệm thanh toán cho A làm 04 kỳ, các kỳ thanh toán cụ thể như sau:

- Kỳ 1: Đến ngày 30/11/2020, anh T4, chị L phải có trách nhiệm thanh toán cho A 50.000.000đ tiền nợ gốc;

- Kỳ 2: Đến ngày 28/02/2021, anh T4, chị L phải có trách nhiệm thanh toán cho A 50.000.000đ tiền nợ gốc;

- Kỳ 3: Đến ngày 31/5/2021, anh T4, chị L phải có trách nhiệm thanh toán cho A 100.000.000đ tiền nợ gốc;

- Kỳ 4: Đến ngày 31/8/2021, anh T4, chị L phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn là 527.835.416 đồng và tiền nợ lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 05/9/2020 theo theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 03248/2016 ngày 29/11/2016 và 02 Giấy nhận nợ ngày 13/02/2017 và ngày 21/6/2017 (Có sự điều chỉnh tăng, giảm theo từng thời kỳ của A) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Toàn bộ số tiền anh T4, chị L thanh toán, A thu vào nợ gốc trước.

Trường hợp anh T4, chị L thanh toán toàn bộ khoản nợ cho A và có đơn xin miễn, giảm tiền lãi, A sẽ xem xét miễn, giảm tiền lãi và có nghĩa vụ phải giải chấp tài sản thế chấp cho anh T4, chị L.

Trường hợp anh T4, chị L vi phạm bất kỳ kỳ thanh toán nào theo thỏa thuận nêu trên thì A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến

hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho A, tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 04, diện tích là 135,8 m² địa chỉ tại thôn Đình Xuyên, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 364381; vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số : 0350 QSDĐ do UBND huyện Ứng Hòa cấp ngày 13/4/2004 cho hộ ông Lê Tiến Tụng; Được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 138/2013/HĐ-THC Quyền số: 02/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/6/2013 tại Văn phòng Công chứng Hòa Nam, thành phố Hà Nội,

Trường hợp số tiền sau khi phát mại tài sản không đủ trả nợ thì anh T4, chị L có nghĩa vụ tiếp tục trả A cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

2.3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án:

Ghi nhận sự thỏa thuận của A với anh Lê Tiến T4 về án phí dân sự sơ thẩm. Anh T4 tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự 16.556.708 đồng; có đơn xin đơn xin giảm án phí được chính quyền địa phương xác nhận nên anh T4 còn phải nộp là 12.415.000đ (*Mười hai triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 15.004.000 đồng (*Mười lăm triệu không trăm linh bốn nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0009572 ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa.

3. Tr- ờng hợp quyết định đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ọc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện □ng Hoà;
- Chi cục T.H.A DS huyện □ng Hoà;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thanh Minh